

V/v: Tranh chấp Ly hôn

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Về tình cảm: Tôi và anh NKT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TC, quận BD, Hà Nội ngày 04/12/2019.

Sau khi cưới tôi và anh T thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không thể hoà giải được. Mặc dù hai bên gia đình anh em bạn bè đã hoà giải nhiều lần nhưng tình nghĩa vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được. Xét thấy mục đích hôn nhân của tôi và anh T không đạt được nên yêu cầu Toà án nhân dân xem xét giải quyết việc ly hôn của tôi và anh T. Tôi và anh T đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung: cháu NTL, sinh ngày 25/6/2005 và cháu NĐK, sinh ngày 03/11/2007. Ly hôn tôi xin được nuôi con chung cháu K, cháu L đã trưởng thành đủ 18 tuổi không yêu cầu Toà giải quyết; về cấp dưỡng tôi không yêu cầu Toà giải quyết.

Về tài sản chung: (gồm động sản và bất động sản): chúng tôi tự thoả thuận, tôi không yêu cầu Toà giải quyết.

Về nợ: Chúng tôi không nợ ai và không cho ai vay nợ không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Tôi tự nguyện chịu cả án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài các yêu cầu trên, chị BTTH không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề gì khác.

**** Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh NKT trình bày:***

Về tình cảm: Tôi và chị BTTH kết hôn lần 1 vào năm 2004 đến năm 2012 chúng tôi ly hôn. Sau đó vì các con chúng tôi đã đăng ký kết hôn lần 2 tại UBND phường TC, quận BD, Hà Nội ngày 04/12/2019. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, chúng tôi về chung sống với nhau tại căn hộ 1912R1A KĐT RC, số 72 NT, phường TĐ, quận TX, Hà Nội từ năm 2017 đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên do vợ tôi bị bệnh K tuyến giáp (đã mổ) mà tính khí thất thường, hay suy nghĩ lo lắng, vui buồn oán giận. Tôi và các con rất hiểu và thông cảm cho tính cách vợ tôi. Từ khi vợ tôi làm đơn ly hôn, tôi đã khuyên nhủ, động viên và can gián. Nay vợ tôi xin ly hôn tôi không đồng ý vì lý do: Vợ chồng tôi vẫn còn tình cảm, sức khoẻ tâm lý vợ tôi kém nên cần có sự quan tâm chăm sóc của tôi và các con, và do các con tôi tuy đã lớn nhưng vẫn rất cần sự quan tâm dạy dỗ của vợ chồng tôi.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung: cháu NTL, sinh ngày 25/6/2005 và cháu NĐK, sinh ngày 03/11/2007. Vì không muốn ly hôn nên tôi không nghĩ ra tình huống chia con cho ai nuôi.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tôi xin được vắng mặt tại Toà tại các buổi hoà giải và xét xử và Toà án cũng không phải tổng đạt văn bản tố tụng cho tôi.

Ngoài các yêu cầu trên, anh Tùng không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề gì khác.

Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Tại đơn trình bày nguyện vọng của con, cháu NĐK có ý kiến: cháu là con bố NKT và mẹ BTTH, từ trước đến bây giờ cháu thất bố mẹ cháu sống hạnh phúc nhưng thời gian qua bố mẹ cháu không còn nói chuyện với nhau. Cháu rất yêu bố mẹ cháu và bố mẹ cháu rất yêu cháu. Nếu trường hợp bố mẹ cháu không còn ở với nhau nữa mà phải ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ cháu.

Tại bản trình bày ý kiến bà NTC là mẹ đẻ của chị BTTH có ý kiến: Con gái tôi là BTTH yêu và kết hôn với anh NKT vào năm 2004, hai vợ chồng con gái tôi có 02 con chung là cháu NTL, sinh ngày 25/6/2005 và cháu NĐK, sinh ngày 03/11/2007. Theo thời gian, trong quá trình chung sống của hai vợ chồng H và T, tôi hay được nghe con gái kể về việc anh T hay đi sớm về khuya, không quan tâm đến vợ con; chị H và anh T không còn tình cảm, không yêu thương nhau. Nay các cháu L và K cũng đã lớn, đến tuổi trưởng thành. Chị H và anh T không còn tình cảm, không yêu thương nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn nữa. Kính mong Toà án xem xét giải quyết cho chị H và anh T ly hôn.

Tại Biên bản xác minh ngày 04/6/2025 bà BTD tổ phó tổ 32 phường TĐ cung cấp: chị H và anh T là cư dân tổ 32, anh chị hiện ở tại căn hộ 1912R1A KĐT RC, số 72 NT, phường TĐ, quận TX, Hà Nội. Về việc mâu thuẫn giữa chị H và anh T tổ dân phố không biết, không nắm được. Chị H xin ly hôn anh T đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, trường hợp anh chị ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cháu trên cơ sở ý kiến của các cháu.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị BTTH vẫn giữ nguyên các yêu cầu đề nghị nêu trên và không yêu cầu thêm vấn đề gì khác. Cụ thể: Chị H xin ly hôn anh T trường hợp Toà án bác đơn chị cũng không về ở với anh T; Về con chung: chị H xác nhận anh chị có cháu NTL, sinh ngày 25/6/2005 và cháu NĐK, sinh ngày 03/11/2007, ly hôn chị H xin được nuôi con chung K và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nếu anh T muốn nuôi cháu K chị cũng đồng ý, cháu L đã trưởng thành không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng chị không yêu cầu Toà giải quyết; Về tài sản chung vợ chồng: chị H xác nhận anh chị tự thỏa thuận chị không yêu cầu Toà giải quyết; nợ chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về án phí: chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Anh NKT vắng mặt tại phiên tòa.

Vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử ngày hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ

tục mà bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung vụ án: Sau khi phát biểu đánh giá các tình tiết của vụ án. Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận TX có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị BTTH đối với anh NKT. Về con chung: Xác nhận chị H và anh T có 02 con chung: cháu NTL, sinh ngày 25/6/2005 và cháu NĐK, sinh ngày 03/11/2007. Ly hôn, giao cho chị H là người trực tiếp nuôi chung cháu K, ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, cháu L đã trưởng thành đủ 18 tuổi không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Chị H trình bày anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, về nợ: Chị H trình bày anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị H tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền, về quan hệ pháp luật có tranh chấp: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn là anh NKT. Anh T có nơi cư trú tại căn hộ 1912R1A KĐT RC, số 72 NT, phường TĐ, quận TX, Hà Nội nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận TX thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn anh NKT đề nghị xin được vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

Anh NKT vắng mặt tại phiên hoà giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị BTTH và anh NKT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TC, quận BĐ, Hà Nội ngày 04/12/2019. Hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp.

Theo nội dung vụ án thể hiện: Quá trình chung sống chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn, năm 2012 anh chị ly hôn sau đó vì các con anh chị đăng ký kết hôn lại lần hai vào năm 2019. Ý kiến của bà C đại diện gia đình xác nhận bà được nghe chị H kể anh T hay đi sớm về khuya, không quan tâm đến vợ con, bà cho rằng anh T và chị H không còn tình cảm, không thương yêu nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh T.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt cho hợp lệ cho anh T đến Tòa để tòa án tiến hành hòa giải cho anh chị đoàn tụ, nhưng anh T đề nghị xin vắng mặt, việc anh T

không đến tòa thể hiện việc anh không mong muốn đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy xét yêu cầu ly hôn của chị BTTH đối với anh NKT là có căn cứ chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Chị BTTH và anh NKT có 02 con chung: cháu NTL, sinh ngày 25/6/2005 và cháu NĐK, sinh ngày 03/11/2007. Ly hôn, chị H xin được nuôi con chung cháu K và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, cháu L đã trưởng thành đủ 18 tuổi không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng chị không yêu cầu Tòa giải quyết, 02 cháu đang ở với chị H tại căn hộ 1912R1A KĐT RC, số 72 NT, phường TĐ, quận TX, Hà Nội, thu nhập của chị H với mức lương chính là 65 triệu đồng/tháng. Anh T không có ý kiến gì về việc con chung.

Xét thấy cháu K đang ở ổn định với chị H và có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn nên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung: NĐK, sinh ngày 03/11/2007 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị H và anh T xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ: Chị H và anh T không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị BTTH tự nguyện chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chị BTTH và anh NKT có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; 147; Điều 207; khoản 2 Điều 227; các Điều 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị BTTH đối với anh NKT. Chị BTTH được ly hôn anh NKT.

2. Về nuôi con chung: Chị BTTH và anh NKT có 02 con chung: cháu NTL, sinh ngày 25/6/2005 và cháu NĐK, sinh ngày 03/11/2007. Ly hôn, cháu L đã trưởng thành không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng, giao cho chị H là người trực tiếp nuôi con chung cháu

K, ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 6/2025 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác thay thế.

Anh NKT được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. **Về chia tài sản chung** (gồm động sản và bất động sản): Chị BTTH và anh NKT tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

4. **Về nợ**: Chị BTTH và anh NKT không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

5. **Về án phí**: Chị BTTH tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị H đã nộp đủ 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036961 ngày 20/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận TX.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H, vắng mặt anh T. Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản bản hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hồ Chí Minh.
- VKSND quố gia Thanh Xuân.
- THA quận Thanh Xuân.
- §-§ng sù.
- UBND nơi ĐKKH.
- L-u

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Nguyễn Thị Thanh Huyền